TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 11 - 2023.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Chí Lin.

2. bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Quân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 958/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 105/1, Tân Sơn Nhì, phường T, quận T', thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 27 tháng 7 năm 2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: bà và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên năm 2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. ông bà đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 02/11/2008. Con chung hiện đang sống với ông Đ. Khi ly hôn, bà xin giao con cho ông Đ nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị X có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông Nguyễn Văn Đ vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ hiện thường trú tại số 105/1, Tân Sơn Nhì, phường T, quận T', thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay đang tạm trú tại Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X xin vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, bà X cho rằng do cuộc sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung trong hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn giữa ông bà cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với ông Nguyễn Văn Đ, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà X nhưng ông Đ không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Tại phiên tòa, ông Đ vẫn vắng mặt, chứng tỏ không có thiện chí để hàn gắn trong khi vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2017 cho đến nay. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của ông bà không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: bà X trình bày bà và ông Đ chung sống có một con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 02/11/2008. Con chung hiện đang sống chung với ông Đ. Khi ly hôn, bà X xin giao con cho ông Đ nuôi. Đối với ông Đ, dù đã được thông báo về yêu cầu của bà X đối với con chung nhưng ông Đ không đến Tòa án, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án.

Xét thấy, từ khi bà X và ông Đ xa nhau đến nay, ông Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Bên cạnh đó, cháu Hải là con trai, cần có sự chăm sóc, gần gũi của người cha hơn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà X không cấp dưỡng nuôi con chung, ông Đ dù đã được thông báo về yêu cầu của bà X đối với mức cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông vẫn không đến Tòa án, cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: bà X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Đ không có văn bản phản hồi ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: bà X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Đ không có văn bản phản hồi ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

[7]. Về án phí: bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 5, 81, 82, 83, và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với ông Nguyễn Văn Đ về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: ông Nguyễn Văn Đ được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 02/11/2008. bà Nguyễn Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì ông Đ không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị X trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. bà X, ông Đ nếu có tranh chấp về tài sản chung thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

- Về nợ chung: bà Nguyễn Thị X trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. bà X, ông Đ nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005781 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Cương